

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-PT

Ngày: 18 - 6 - 2021

V/v Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Trang

*Các Thẩm phán:* Ông Lâm Bách  
Bà Trần Thị Diệu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hoàng Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:** Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm: 1973. Có mặt.

Địa chỉ: khu phố N, phường T, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông Đoàn Việt T - Luật sư Công ty Luật TNHH M - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp M, quốc lộ N, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:**

+ Ông Lê Thành S, sinh năm 1969; Vắng mặt không có lý do.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973; vắng mặt

Cùng địa chỉ: số M, đường T, phường H, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H1:* Ông Nguyễn Quốc T; sinh năm 1996. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người kháng cáo:* Ông Lê Thành S là bị đơn.

Bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

Bà và vợ chồng ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 có quan hệ là anh em kết nghĩa. Từ chỗ thân tình đó nên trong khoảng thời gian từ 01/6/2017 đến 02/02/2018 bà đã cho vợ chồng ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 nhiều lần vay mượn tiền, với tổng số tiền vay là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Khi vay mượn tiền, vợ chồng ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 hứa với bà khi nào bán được đất sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng. Nhưng sau đó vợ chồng ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 không giữ lời hứa, tuy đã bán đất cho quán bánh xèo Q nhưng vẫn không trả tiền cho bà. Nhiều lần bà đến đòi nợ nhưng vợ chồng ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 tránh mặt. Sau đó, bà đã đến gặp ông S, bà H1 và chính ông S đã viết giấy cam kết là trong khoảng thời gian từ 17/9/2018 đến 17/10/2018 sẽ trả hết khoản nợ đã vay nhưng ngày 16/9/2018 vợ chồng ông S, bà H1 mới chỉ trả được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Từ đó trở đi, vợ chồng ông S, bà H1 không trả cho bà bất kì một khoản tiền nào khác. Vì vậy ông S, bà H1 tính đến hiện tại còn nợ bà 520.000.000đ (720.000.000 - 200.000.000đ = 520.000.000đ) (Năm trăm hai mươi triệu đồng).

Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho bà số tiền nợ gốc là 520.000.000 đồng và tiền lãi là 93.190.000 đồng được tính từ thời điểm ông S, bà H1 chậm trả nợ ngay 16/9/2018 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho bà số tiền nợ gốc là 520.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

**Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1 trình bày:**

Ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận trước đây có vay tiền của bà H, nhưng chỉ với số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó bà H1 mượn 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và ông S mượn 2 lần là

60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Ông bà đã trả hết nợ cho bà H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo giấy trả nợ ngày 16/9/2018, có bà Trương Thị Hương D làm chứng và ký tên trong giấy trả nợ.

Đối với những chữ ký của bà Nguyễn Thị H1 trong giấy vờ học sinh Bút Cầu và MGB Book, chữ ký của ông Lê Thành S trong giấy cam kết nhận nợ ngày 17/9/2018 với số tiền nợ là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) đều do bà H cho giang hồ uy hiếp tính mạng và ép ký. Bà H lộ rõ bản chất là người cho vay nặng lãi, có tính chất cưỡng đoạt tài sản với lãi suất vay là 15%/tháng. Dựa vào bản cam kết, chốt số nợ là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Nhưng vào 16/9/2018 thì ông S và bà H1 đã trả cho bà H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), trong đó gồm 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) do ông S vay và 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) do bà H1 vay cộng với cả tiền lãi phải chịu. Như vậy, ông bà không còn nợ bất cứ khoản nào đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Vì vậy, ông bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H, vì tất cả số tiền ông bà nợ bà Nguyễn Thị Thu H đã được ông bà trả cho bà H cả gốc lẫn lãi theo giấy trả nợ ngày 16/9/2018. Việc bà H uy hiếp, ép buộc ông phải viết giấy cam kết nhận nợ đã được tố cáo đến Công an xã A, huyện N; Công an phường T và Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tiến hành giải quyết. Hơn nữa, sự việc vay tiền chỉ một mình bà H1 ký tên nên ông không có trách nhiệm cùng với bà H1 trả nợ cho bà H.

**Tại bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận quyết định:**

Căn cứ vào điều 4, điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H số tiền: 520.000.000đ ((Năm trăm hai mươi triệu đồng)).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2021, bà Nguyễn Thị H1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 17/02/2021, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm nhận được đơn kháng cáo đề ngày 08/02/2021 của ông Lê Thành S, nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn tranh luận*: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Tại bản trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn đề nghị*: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Tại bản trình bày, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng*: bị đơn bị ép phải ký giấy nhận tiền, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét chuyển hồ sơ vụ án qua cơ quan điều tra vì có dấu hiệu cưỡng đoạt tài sản.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 08/02/2021 của bà Nguyễn Thị H1 làm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Ngày 17/02/2021, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm nhận được đơn kháng của ông Lê Thành S đề ngày 08/02/2021. Do ông S vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày ông S nhận được bản án nên kháng cáo của ông Lê Thành S là phù hợp và được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Ngày 17/6/2021, ông Nguyễn Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do: *tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Tuy

*nhiên luật sư bảo vệ cho phía nguyên đơn đang làm việc tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nơi đang có chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ đang thực hiện việc giãn cách xã hội. Nếu phiên tòa ngày mai diễn ra sẽ không đảm bảo sức khỏe cho người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, công tác phòng dịch sẽ không được bảo đảm. Đề nghị xem xét hoãn phiên tòa đến khi tình hình dịch ổn định. Bị đơn ông Lê Thành S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.*

Ngày 18/6/2021, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt.

*Xét thấy:*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã gửi cho Tòa án bài phát biểu tranh luận và được nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý việc vắng mặt của Luật sư và đề nghị tiếp tục xét xử;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 xin hoãn phiên tòa không có lý do chính đáng và có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Thành S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Kiện đòi lại tài sản*” là chưa chính xác, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Lê Thành S:

[3.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng bị đơn ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1 trả cho bà số tiền 520.000.000 đồng là số tiền vợ chồng bà H1 ông S đã nợ bà. Chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án gồm: 04 tờ giấy vờ ô li hai mặt vờ học sinh trên giấy có ghi ngày tháng năm mượn tiền, số tiền mượn và chữ ký viết tên bà Nguyễn Thị H1 với số tiền 720.000.000 đồng (BL34, 35, 36, 54); Giấy cam kết lập ngày 17/9/2018 do ông Lê Thành S viết có nội dung: “*Tôi Lê Thành S, sinh năm 1969; số chứng minh nhân dân 264070066. Số điện thoại 0911689190. Vợ chồng tôi có mượn của Nguyễn Thị Thu H 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai chục triệu). Trong vòng 30 ngày 17/9/2019 đến 17/10/2018 tôi sẽ tìm vợ tôi về để giải quyết. Nếu trong 30 ngày mà không tìm được vợ tôi thì tôi sẽ trả tổng số tiền trong giấy mượn và chịu trách nhiệm hoàn toàn*” (BL 39); 01 Giấy trả nợ viết tay đề ngày 16/9/2018 do ông S viết và ký tên có nội dung: “*Nay tôi trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền*

60.000.000 đồng sáu mươi triệu đồng chẵn và đồng thời tôi trả cho vợ bà Nguyễn Thị H1 là 140.000.000 đồng Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Hiện giờ tôi trả là hai trăm triệu đồng chẵn” (BL 40) và có người làm chứng là bà Trương Thị Hương D ký tên. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

[3.2] Tại bản trình bày ngày 18/6/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng: Bị đơn ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu H nhưng cho rằng chỉ vay số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) và đã trả nợ xong ngày 16/9/2018 với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), trong đó bao gồm tiền gốc 140.000.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền 720.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 140.000.000 đồng mà vợ chồng ông S, bà H1 đã vay trước đó. Giấy cam kết ngày 17/9/2018 là do ông S bị bà Nguyễn Thị Thu H cho người đến rầy uy hiếp ép buộc ông S viết. Vợ chồng bị đơn bị ép phải ký giấy nhận tiền, nguyên đơn có hành vi cho vay nặng lãi, cưỡng đoạt tài sản của bị đơn. Nhưng phía bị đơn không có chứng cứ chứng minh.

[3.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 thừa nhận vợ chồng bà đã làm đơn tố cáo nguyên đơn có hành vi cho vay tín dụng đen và có hành vi ép ông Lê Thành S ký vào giấy cam kết nhận trả nợ đến Công an Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Tại Báo cáo số 234/BC-CATP(CSHS) ngày 22/10/2020 của Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (BL114 - 115) về việc báo cáo kết quả xác minh đơn của bà Nguyễn Thị H1 có nội dung: “Vào ngày 23/7/2020, Công an Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm nhận được đơn của bà Nguyễn Thị H1 tố cáo bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973 ở khu phố B, phường T có hành vi cho vay tín dụng đen và có hành vi ép chồng bà là ông Lê Thành S ký vào giấy cam kết nhận trả nợ. Sau khi tiếp nhận đơn tố cáo, Công an thành phố đã tập trung xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu làm rõ nội dung như sau: Ngày 28/7/2020, Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã mời bà Nguyễn Thị H1 lên làm việc tại cơ quan công an bà H1 trình bày mục đích bà làm đơn là vì cuối năm 2018, bà H cho người đến rầy của gia đình bà ở thôn N, xã A, huyện N để yêu cầu chồng bà là ông Lê Thành S ký vào giấy vay nợ thay cho bà H1... Vì không biết chữ bà H1 đã nhờ một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ tự xưng là luật sư viết đơn giùm rồi gửi cơ quan công an. Bà H1 hoàn toàn không biết nội dung trong đơn phản ánh nội dung gì. Ngoài ra bà H1 khai bà H cho bà H1 vay tiền với lãi suất 15%/tháng, chỉ thỏa thuận bằng miệng nhưng đến nay bà H1 vẫn chưa trả đồng lãi suất nào cho bà H... Đối với ông Lê Thành S, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đã nhiều lần mời lên làm việc nhưng ông S không chấp hành, không hợp tác... Ngoài ra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cũng đã làm việc với Công an xã A để xác minh nội dung liên quan đến vụ việc trên nhưng

*Công an xã A xác nhận trong thời gian vừa qua không tiếp nhận, xử lý vụ việc nào liên quan đến đơn tố cáo của gia đình ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1. Với tài liệu đã thu thập được, Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xác định việc vay mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị H1 với bà Nguyễn Thị Thu H không có dấu hiệu tội phạm hình sự. Trong giấy xác nhận vay tiền giữa bà H1 và bà H chỉ ghi các lần mượn tiền chứ không thể hiện lãi suất cho vay nên không đủ căn cứ kết luận nội dung cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bà H1 xác nhận từ tháng 11/2018 đến nay bà H1 chưa trả tiền lãi suất cho bà H, chưa xác định được số tiền bị chiếm đoạt nên không có căn cứ chứng minh việc bà H cho vay nặng lãi”.*

Tại biên bản ghi lời khai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm ngày 26/11/2018 bà Nguyễn Thị H1 trình bày: “...Từ tháng 9/2017 đến khoảng tháng 02/2018 tôi có mượn tiền của chị H ở khu phố 2, phường T với số tiền tính đến thời điểm này là cả lãi cả tiền gốc lên đến 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng nhưng hiện nay gia đình tôi (H1) đã trả cho chị H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng còn lại số tiền 520.000.000 (Năm trăm hai mươi triệu) đồng” (BL 110 - 111). Tại buổi làm việc ngày 28/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm bà H1 thừa nhận: “...Việc tôi H1 đã ký vào giấy mượn nợ thì tôi chấp nhận nhưng chờ Tòa án xử lý thế nào rồi mới trả vì trước đây tôi nợ bà H 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng nhưng hiện nay chồng tôi đã trả cho chị H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng còn lại số tiền 520.000.000 (Năm trăm hai mươi triệu) đồng thì tôi không thể trả một lần được, nếu sau khi Tòa tuyên bố bà H thắng kiện thì tôi hứa sẽ trả dần hàng tháng cho bà H. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì cả” (BL 105).

[3.4] Tại đơn kháng cáo ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1 đều trình bày lý do kháng cáo là trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã không khách quan, công bằng, không xem xét tổng quan, đầy đủ các tình tiết trong vụ án, gây thiệt hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà nhưng từ khi Tòa án phúc thẩm thụ lý thì Tòa có triệu tập ông S, bà H1 lên làm rõ nội dung kháng cáo nhưng ông S, bà H1 không chấp hành và cũng không giao nộp chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

[4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thành S, bà Nguyễn Thị H1. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn vợ chồng ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 24.800.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 14.264.000đ (Mười bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0018485, ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

*Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Lê Thành S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023304 ngày 23/02/2021 do ông Nguyễn Quốc T nộp thay ông Lê Thành S.

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023305 ngày 23/02/2021 do ông Nguyễn Quốc T nộp thay bà Nguyễn Thị H1.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

#### **Tuyên bố:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Căn cứ vào các điều 4, 26, 35, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Thành S và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H số tiền: 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng). Chia phần: ông S 260.000.000 đồng, bà H1 260.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm



thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn vợ chồng ông Lê Thành Sang và bà Nguyễn Thị Hương phải liên đới chịu 24.800.000đ (*Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần: mỗi người phải nộp 12.400.000 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 14.264.000đ (*Mười bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0018485, ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

*Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Lê Thành S phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023304 ngày 23/02/2021 do ông Nguyễn Quốc T nộp thay ông Lê Thành S. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023305 ngày 23/02/2021 do ông Nguyễn Quốc T nộp thay bà Nguyễn Thị H1. Bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự (3);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND TP. Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Phan Rang
- Tháp Chàm (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Trang**

